

Số: 61/2016/NQ-HĐND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Xét Tờ trình số 173/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quyết định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 169/BC-KTNS ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo nội dung Tờ trình số 173/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí: các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất; cấp chứng nhận đăng ký biến động sau khi cấp giấy chứng nhận.

2. Đối tượng miễn nộp lệ phí: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Các trường hợp miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với tổ chức và cá nhân:

a) Cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với người đang sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân khu vực các xã thuộc vùng nông thôn (hoặc sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp);

b) Cấp đổi giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10 tháng 12 năm 2009) mà có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận.

4. Về mức thu: thực hiện mức thu theo Bảng phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Quản lý và sử dụng:

a) Cơ quan thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định pháp luật quản lý thuế.

b) Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận

- UBND Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- TTr.Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh; UBND tỉnh; UBND TTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.



Nguyễn Hồng Lĩnh



PHỤ LỤC

Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ..GA../2016/NQ-HĐND
ngày 09 tháng .. năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

STT	Nội dung quan hệ giao dịch	Đơn vị tính	Mức thu
I	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:		
I.1	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận lần đầu		
1	Hộ gia đình, cá nhân		
1.1	Hộ gia đình, cá nhân khu vực phường thuộc nội thành:		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/giấy	25.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/giấy	100.000
1.2	Hộ gia đình, cá nhân các khu vực còn lại		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/giấy	12.500
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/giấy	50.000
2	Tổ chức		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/hồ sơ	100.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất:		
	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích dưới 300 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	300.000
	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích từ 300 m ² đến dưới 700 m ² ; và tài sản	đồng/hồ sơ	400.000

STT	Nội dung quan hệ giao dịch	Đơn vị tính	Mức thu
	khác (nếu có)		
	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích trên 700 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	500.000
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất:		
	+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích dưới 300 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	200.000
	+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích từ 300 m ² đến dưới 700 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	300.000
	+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích trên 700 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	400.000
	(Tài sản khác ở đây gồm cây lâu năm và rừng sản xuất là rừng trồng)		
I.2	Lệ phí cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận		
1	Hộ gia đình, cá nhân		
1.1	Hộ gia đình, cá nhân khu vực phường thuộc nội thành:		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	20.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	50.000
1.2	Hộ gia đình, cá nhân các khu vực còn lại		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	10.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	25.000

STT	Nội dung quan hệ giao dịch	Đơn vị tính	Mức thu
2	Tổ chức		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	50.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	50.000
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	50.000
II	Lệ phí cấp chứng nhận đăng ký biến động sau khi cấp giấy chứng nhận:		
1	Hộ gia đình, cá nhân:		
1.1	Hộ gia đình cá nhân khu vực phường thuộc nội thành, nội thị	đồng/lần	28.000
1.2	Hộ gia đình cá nhân khu vực các xã, thị trấn thuộc vùng nông thôn	đồng/lần	14.000
2	Tổ chức	đồng/lần	30.000